

Bản án số: 24/2022/HS - ST

Ngày: 15/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Lê Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Văn Dũng

2. Ông Phạm Ngọc D

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Anh Chiến - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2022/TLST - HS ngày 17 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST - HS ngày 05/9/2022 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Trần Văn T1** - sinh ngày 04/9/1985 tại xã T, huyện T, tỉnh T. Nơi cư trú: Khu phố X, thị trấn V, huyện T, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Q (đã chết) và con bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1956. Bị cáo chưa có vợ con. Gia đình bị cáo có 07 anh em, bị cáo là con đầu. Nhân thân: Tháng 8 năm 2000 bị chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “trộm cắp tài sản”. Tiền án: 05 tiền án gồm: Ngày 09/8/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 224/HSST. Ngày 26/9/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 21 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và 09 tháng tù về tội “trốn khỏi nơi giam giữ” theo bản án số 14/2007/HSST. Ngày 19/11/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 06 năm tù về tội “Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia” theo bản án số 58/2007/HSST. Tổng hợp Bản án số 14/2007/HSST ngày 26/9/2007 là 08 năm 06 tháng tù. Ngày 26/9/2008 bị Tòa án

nhân dân huyện Thạch Thành tuyên phạt 02 năm tù về tội “trộm cắp tài sản” theo bản án số 15/2008/HSST. Tổng hợp bản án số 58/2007/HSST ngày 19/11/2007 là 09 năm 01 tháng 11 ngày tù. Ngày 30/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành tuyên phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 44/2017/HSST. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/5/2022 đến ngày 31/5/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Quách Văn T2** - sinh ngày 07/5/1997 tại xã T, huyện T, tỉnh T. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện T, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12 (mù chữ); Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quách Văn Đ (đã chết) và con bà Nguyễn Thị A, năm 1972. Bị cáo chưa có vợ con. Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Nhân thân: Ngày 09/8/2019 bị công an Thạch Thành xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “trộm cắp tài sản”. Tiền án: Ngày 30/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 14 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo bản án số 61/2020/HSST. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

*\* Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị D – sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh T.

Có mặt

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hoàng P – sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 89, TP, phường B, thị xã B, tỉnh T.

- Anh Bùi Văn Th – sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện T, tỉnh T.

*\* Người làm chứng:*

- Bà Vũ Thị B – sinh năm 1974

- Ông Vũ Đình M – sinh năm 1966

Đều trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI D V U ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 25/3/2022, Trần Văn T1, sinh năm 1985, trú tại khu phố X, thị trấn V, huyện T, tỉnh T rủ Quách Văn T2, sinh năm 1997, trú tại khu phố 1, thị trấn V, huyện T, tỉnh T đi đến địa bàn huyện Vĩnh Lộc để trộm cắp tài sản hoặc cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng thì T2 đồng ý. T1 lấy xe mô tô biển kiểm soát 36E1-208.11 chở T2 ngồi phía sau, khi cả hai đi đến khu vực bên trong Thành Nhà Hồ thuộc thôn Đông Môn, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa thì quan sát thấy bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975, trú tại Đ, xã L, huyện V, tỉnh T đang cắt cỏ ở bờ ruộng, có đeo bông hoa tai bằng vàng. T1 và T2 bàn nhau đợi khi nào bà D về sẽ đi phía sau giật bông hoa tai bằng vàng của bà D. Sau đó T1 chở T2 đi ra khỏi cổng thành chờ và quan sát. Khi bà D cắt cỏ xong, lên xe đạp đi về được khoảng 30 mét thì T1 điều khiển xe mô tô đi cùng chiều từ phía sau, áp sát xe đạp, T2 ngồi phía sau bất ngờ dùng tay phải giật bông hoa tai bằng vàng phía bên tai trái của bà D. Giật được bông hoa tai xong, T2 dùng chân phải đạp một cái vào người bà D khiến bà D và xe đạp ngã xuống ruộng, xe mô tô T1 điều khiển chở T2 cũng bị ngã ra đường. Bà D hô hoán “ôi làng ơi, có người giật bông hoa tai của tôi”. T1 và T2 thấy vậy nhanh chóng lên xe mô tô tẩu thoát về hướng huyện Thạch Thành. Sau khi cướp giật được chiếc bông hoa tai bằng vàng của bà D xong, T1 và T2 đến cửa hàng vàng bạc SĐ, địa chỉ ở số 89 T, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa bán được số tiền 3.410.000đ (ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng), trên đường về, T1 đưa cho T2 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) mua ma túy để cả hai sử dụng, còn T1 cầm số tiền còn lại. Sau đó cả hai đi đến khu vực bờ đê sông Mã, thuộc thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc để mua ma túy. T2 cầm số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) đến gặp một người phụ nữ và mua 02 tép ma túy loại Heroin tìm nơi vắng người sử dụng hết số ma túy đã mua rồi đi đến nhà nghỉ Đ2, thuộc thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa để ngủ. Sáng ngày 26/3/2022, T1 chở T2 đi xuống huyện Hà Trung, khi đến địa phận xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa thì bị Công an phát hiện, yêu cầu kiểm tra, T1 điều khiển xe bỏ chạy, T2 bị giữ lại sau đó được đưa đến cơ quan công an. Quá trình làm việc, T2 đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của mình. T1 bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 28/5/2022, T1 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc đầu thú và khai nhận hành vi cướp giật tài sản của bản thân cùng với Quách Văn T2.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 08/2022/KL-HĐĐGTS ngày 13/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Lộc xác định giá trị thiệt hại của tài sản tại thời điểm bị xâm phạm như sau: 01 (một) bông hoa tai bằng vàng 9999, đặc điểm có vòng bi tròn, gắn hình quả trám là: 3.410.000đ ( *ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc, bị cáo Trần Văn T1 và Quách Văn T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai báo của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định: ngay sau khi giật được chiếc bông tai thì T2 đã dùng chân đạp vào người bà Nguyễn Thị D khiến bà D bị ngã. Tuy nhiên bà D không bị thương tích nên không yêu cầu xử lý T2 và T1 về tội “cố ý gây thương tích”. Tại Cơ quan điều tra, bà D yêu cầu các bị cáo bồi thường chiếc bông tai bằng vàng và bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), các bị cáo chấp nhận nhưng chưa bồi thường được cho bà D.

Đối với ông Hoàng Ph, sinh năm 1977, trú tại số 89 T, B, Thị xã B, tỉnh T, chủ cửa hàng vàng bạc SĐ, do không biết nguồn gốc chiếc bông tai bằng vàng do T1 và T2 phạm tội mà có nên mua lại với số tiền 3.410.000đ (*ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*). Vì vậy, không có căn cứ để xử lý ông Ph về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Sau khi mua lại chiếc bông tai bằng vàng của T1, ông Ph đã đem đi nấu với các loại vàng thấp tuổi khác để phân kim nên không thể thu hồi được.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho T2 ngày 25/3/2022 ở khu vực bờ đê sông Mã thuộc thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh nhưng chưa đủ căn cứ để xác định là ai, ở đâu. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng của vụ án là 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36E1-208.11, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu xám-đen, số máy 5C6H170844, số khung RLCS5C6H0FY170834, thuộc sở hữu của vợ chồng anh Bùi Văn Th, sinh năm 1992, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh T (là anh rể của Quách Văn T2). Vợ chồng anh Th không biết việc T2 mượn xe của mình vào việc phạm tội, mặt khác chiếc xe mô tô không nằm trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng anh Bùi Văn Th.

Đĩa DVD lưu trữ 01 (một) đoạn video thu từ camera 02 tại Cửa hàng vàng bạc SĐ, số nhà 89, T, Phường B, thị xã B và 01 (một) đoạn video thu từ camera tại Cửa hàng Laptop M ở Phường B, Thị xã B, tỉnh T là vật chứng, Cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình điều tra nên chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSVL ngày 15/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo: Trần Văn T1 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 BLHS; Quách Văn T2 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 171 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Văn T1 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/5/2022) về tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d, đ, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Quách Văn T2 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 26/3/2022) về tội “Cướp giật tài sản”.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn T1 và Quách Văn T2.

- Về dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 587, 589, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Trần Văn T1 và Quách Văn T2 phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Mức độ lỗi của các bị cáo được xác định là như nhau nên mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà D số tiền là 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng vụ án, về án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Lộc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp

với lời khai của người bị hại, người làm chứng đủ sơ sở kết luận: Do cần tiền mua ma túy và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 16 giờ ngày 25/3/2022 tại đoạn đường phía trong Thành Nhà Hồ thuộc thôn Đông Môn, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, Trần Văn T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36E1-208.11 chở Quách Văn T2 áp sát bà Nguyễn Thị D đang đi xe đạp cùng chiều. T2 ngồi phía sau bắt ngờ giật của bà D chiếc bông hoa tai bằng vàng 9999 trị giá 3.410.000đ (*ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*) đồng thời đạp bà D ngã xuống ruộng rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt. Các bị cáo sử dụng xe mô tô để giật tài sản trong khi bà D đang điều khiển xe đạp thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Bị cáo Quách Văn T2 độc lập thực hiện hành vi đạp vào người bà D ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản để tẩu thoát là hành vi “hành hung để tẩu thoát”. Trần Văn T1 đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Hành vi của Trần Văn T1 đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; Hành vi của Quách Văn T2 đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội đồng thời mang tính giáo dục và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử sẽ phân hóa trách nhiệm hình sự và đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Trần Văn T1 là người khởi xướng, rủ rê việc cướp giật tài sản, trực tiếp điều khiển xe mô tô chở Quách Văn T2 đi tìm người có tài sản, là người trực tiếp thực hiện việc giao dịch mua bán tài sản để lấy tiền nên T1 giữ vai trò là sỏ một trong vụ án. Quách Văn T2 là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại nên giữ vai trò sau Toàn. Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt cụ thể phù hợp đối với từng bị cáo.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân xấu đã nhiều lần vi phạm pháp luật, đều

có tiền án (bị cáo T1 có 05 tiền án, bị cáo T2 có 01 tiền án), bên cạnh đó cả hai bị cáo đều phải chịu 02 tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 171 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Văn T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Quách Văn T2 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Đối với các bị cáo trong vụ án sau khi phạm tội đã đầu thú, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải với lỗi lầm đã phạm nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với 02 tình tiết định khung tăng nặng và đều có tình tiết giảm nhẹ như nhau. Bị cáo Trần Văn T1 tuy có vai trò số 01 trong vụ án nhưng bị cáo Quách Văn T2 phải chịu thêm tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Vì vậy, nên xử các bị cáo với mức hình phạt ngang nhau. Các bị cáo đều có nhân thân xấu đã nhiều lần vi phạm pháp luật, đều có tiền án chứng tỏ các bị cáo luôn coi thường pháp luật. Các bị cáo là người khỏe mạnh nhưng do không chịu khó làm ăn, thích hưởng thụ trên sức lao động của người khác nên tiếp tục con đường phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có tài sản không đáng kể, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, HĐXX xét thấy không áp dụng khoản 5 Điều 171 BLHS để phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn T1, Quách Văn T2 là phù hợp.

[8] Đối với ông Hoàng Ph, sinh năm 1977, trú tại số 89 T, B, Thị xã B, tỉnh T, chủ cửa hàng vàng bạc SĐ, do không biết nguồn gốc chiếc bông tai bằng vàng do T1 và T2 phạm tội mà có nên mua lại với số tiền 3.410.000đ (*ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*). Vì vậy, không có căn cứ để xử lý ông Ph về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đối với người phụ nữ bán ma túy cho T2 ngày 25/3/2022 ở khu vực bờ đê sông Mã thuộc thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh nhưng chưa đủ căn cứ để xác định là ai, ở đâu. Vì vậy, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng: Đối với chiếc bông tai bằng vàng, sau khi mua lại ông Hoàng Ph đã đem đi nấu với các loại vàng thấp tuổi khác để phân kim. Do đó, không thể thu hồi được.

Đối với vật chứng của vụ án là 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36E1-208.11, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu xám-đen, số máy 5C6H170844, số khung RLCS5C6H0FY170834, thuộc sở hữu của vợ chồng anh Bùi Văn Th, sinh năm 1992, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh T (là anh rể của Quách Văn T2). Vợ chồng anh Th không biết việc T2 mượn xe của mình vào việc phạm tội, mặt khác chiếc xe mô tô không nằm trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho vợ chồng anh Bùi Văn Th là đúng quy định của pháp luật.

Đĩa DVD lưu trữ 01 (một) đoạn video thu từ camera 02 tại Cửa hàng vàng bạc SĐ, số nhà 89, T, phường B, thị xã B và 01(một) đoạn video thu từ camera tại Cửa hàng Laptop M ở phường B, thị xã B, tỉnh T là dữ liệu điện tử nên lưu hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm và bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền là 5.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý với yêu cầu của bà D. Vì vậy, buộc các bị cáo phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản và tổn thất về tinh thần cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Mức độ lỗi của các bị cáo được xác định là như nhau nên mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà D số tiền là 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn T1, Quách Văn T2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn T1 05 (năm) năm tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/5/2022).

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Quách Văn T2 05 (năm) năm tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 26/3/2022).



- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn T1 và Quách Văn T2.

- Về dân sự: Áp dụng điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 587, 589, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Văn T1 và bị cáo Quách Văn T2 phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự. Lưu hồ sơ vụ án dữ liệu điện tử là 01 đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video thu từ camera 02 tại Cửa hàng vàng bạc SĐ, số nhà 89, T, phường B, thị xã B và 01 đoạn video thu từ camera tại Cửa hàng Laptop M ở phường B, thị xã B, tỉnh T.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Trần Văn T1, Quách Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án Dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bị hại, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ
- THA dân sự huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương Giang**